

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	298.500	206.918
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	5	585.414	721.384
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	6	1.129.932	1.772.864
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		933.477	1.672.864
2. Cho vay các TCTD khác		196.455	100.000
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác			
IV. Chứng khoán kinh doanh			
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác			
VI. Cho vay khách hàng		17.093.665	16.080.187
1. Cho vay khách hàng	7	17.253.565	16.217.984
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(159.900)	(137.798)
VII. Hoạt động mua nợ			
VIII. Chứng khoán đầu tư	9	3.615.317	3.478.285
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		3.384.397	3.140.122
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		423.771	416.461
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(192.851)	(78.298)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	514.521	530.530
1. Đầu tư vào công ty con		500.000	500.000
4. Đầu tư dài hạn khác		14.521	30.530
X. Tài sản cố định		1.231.826	1.041.286
1. Tài sản cố định hữu hình	11	514.942	372.458
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		628.094	461.487
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(113.152)	(89.029)
3. Tài sản cố định vô hình	12	716.884	668.828
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		749.654	695.831
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		(32.770)	(27.004)
XI. Tài sản có khác		1.667.391	1.529.077
1. Các khoản phải thu	13	280.159	262.550
2. Các khoản lãi, phí phải thu		1.213.158	1.129.642
4. Tài sản Có khác	14	174.073	136.884
TỔNG TÀI SẢN CÓ		26.136.566	25.360.531

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	312.218
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	15	236.403	1.172.539
1. Tiền gửi của các TCTD khác		106.162	788.037
2. Vay các TCTD khác		130.241	384.501
III. Tiền gửi của khách hàng	16	22.278.461	20.129.041
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			555
VII. Các khoản nợ khác		374.578	378.599
1. Các khoản lãi, phí phải trả		337.345	285.085
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	17	37.233	93.514
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		22.889.442	21.992.952
VIII. Vốn và các quỹ	18	3.247.124	3.367.579
1. Vốn của TCTD		2.965.800	2.965.800
a. Vốn điều lệ		3.000.000	3.000.000
d. Cổ phiếu quỹ		(34.200)	(34.200)
2. Quỹ của TCTD		264.636	240.434
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(4.741)	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		21.428	161.344
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.136.566	25.360.531

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	31	68.724	45.216
1. Cam kết giao dịch hối đoái		-	11.635
Cam kết mua ngoại tệ		-	5.540
Cam kết bán ngoại tệ		-	6.095
1. Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		6.841	16.632
2. Bảo lãnh khác		61.883	16.949

Lập bảng

Kế toán trưởng

Rạch Giá, ngày 20 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Thảo Quyên



Phạm Thị Mỹ Chi



Võ Văn Châu